TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 3

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 402 đọc là:

A. Bốn trăm hai mươi **B.** Hai trăm linh bốn

C. Bốn trăm linh hai **D.** Bốn trăm mười hai

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: ……. : 5 = 6

A. 11 **B.** 25 **C.** 27 **D.** 30

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 159 × 3 là:

A. 467 **B.** 487 **C.** 463 **D.** 477

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số lớn là 8, số bé là 4. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 2 lần **B.** 12 lần **C.** 4 lần **D.** 3 lần

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 84 đi 7 lần được:

A. 77 **B.** 12 **C.** 588 **D.** 13

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?

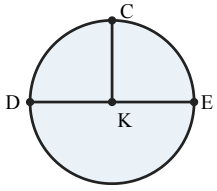


A. 1/5 **B.** 1/8 **C.** 1/2 **D.** 1/6

Câu 7. *(0,5 điểm)* Nhiệt độ cơ thể của người khỏe mạnh khoảng:

A. 57 °C **B.** 100 °C **C.** 17 °C **D.** 37 °C

Câu 8. *(0,5 điểm)* Trong hình bên, đường kính DE dài 8 cm. Bán kính KC dài:



A. 16 cm **B.** 5 cm **C.** 4 cm **D.** 8 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) 269 + 76 × 6 = …….

b) 139 − 16 : 2 = …….

c) (117 + 22) × 2 = …….

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 7 trăm, 9 chục, 8 đơn vị viết là: …….

b) Số lớn nhất trong các số 266, 139, 433, 726, 682 là: …….

c) Số bé nhất trong các số trên là: …….

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8, 16, 24, 32, ……, …….

b) 386, 396, ……, ……, 426, 436

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1 dm 1 cm = ……. cm

b) 40 mm = ……. cm

c) 9 m = ……. dm

d) 8 m = ……. cm

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 7 cm thì đường kính là ……. cm.

b) Hình tròn có đường kính 28 dm thì bán kính là ……. dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 14 mm. Đoạn MB dài ……. mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Thảo có 4 nhãn vở, Linh có 12 nhãn vở. Hỏi số nhãn vở của Linh gấp mấy lần số nhãn vở của Thảo?

a) Trả lời: ……. lần

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 3

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	D	A	B	A	D	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 269 + 76 × 6 = 269 + 456 = 725

b) 139 − 16 : 2 = 139 − 8 = 131

c) (117 + 22) × 2 = 139 × 2 = 278

Câu 10.

a) 798

b) Số lớn nhất là 726

c) Số bé nhất là 139

d) 726 + 1 = 727

Câu 11.

a) Đếm thêm 8: 8, 16, 24, 32, 40, 48

b) Mỗi số hơn số trước 10 đơn vị: 386, 396, 406, 416, 426, 436

Câu 12.

a) 1 dm 1 cm = 11 cm (vì 1 dm = 10 cm)

b) 40 mm = 4 cm (vì 10 mm = 1 cm)

c) 9 m = 90 dm (vì 1 m = 10 dm)

d) 8 m = 800 cm (vì 1 m = 100 cm)

Câu 13.

a) 7 × 2 = 14 (cm)

b) 28 : 2 = 14 (dm)

c) 14 : 2 = 7 (mm)

Câu 14.

12 : 4 = 3 (lần)